

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 7 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cho
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Minh D

Địa chỉ: Ấp 6, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lương Minh D trình bày: Ông và bà Lê Thị N do quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không yêu thương chăm sóc nhau nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông đã

nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng ly thân từ năm 2018. Đến nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Lê Thị N.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Lương Gia Bảo H (nam), sinh ngày 24/01/2012, từ khi ly thân đến nay cháu H do bà N nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông giao cháu H cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là bà Lê Thị N không đến Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không ghi được lời khai của bà N và cháu Lương Gia Bảo H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Minh D đối với bà Lê Thị N; Về con chung: Giao cháu Lương Gia Bảo H (nam), sinh ngày 24/01/2012 cho bà Lê Thị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lương Minh D và bà Lê Thị N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà N. Bà N có nơi cư trú tại ấp 2, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông D và bà N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa ông D và bà N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông D là do bất đồng ý kiến và quan điểm sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N. Bà N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy bà N không trân trọng cuộc hôn nhân này. Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã động viên ông D tìm cơ hội hàn gắn với bà N nhưng ông D vẫn cương quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông D và bà N đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D đối với bà N.

[3.2] Về con chung: Ông D khai ông và bà N có 01 con chung là Lương Gia Bảo H (nam), sinh ngày 24/01/2012, cháu H đang sống với bà N. Sau khi ly hôn ông yêu cầu giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D có giao nộp bản sao giấy khai sinh của cháu H, trong đó có tên cha là Lương Minh D, mẹ là Lê Thị N trùng khớp với thông tin ông D trình bày. Bà N dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không đến trình bày ý kiến vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, bà N không có yêu cầu nên ông D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D khai không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông Lương Minh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Minh D đối với bà Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lương Minh D được ly hôn với bà Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Gia Bảo H (nam), sinh ngày 24/01/2012 cho bà Lê Thị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Lê Thị N không yêu cầu ông Lương Minh D cấp dưỡng nuôi con chung nên ông D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lương Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lương Minh D khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Lương Minh D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai số 0002096 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Ông D đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn là ông Lương Minh D và bị đơn là bà Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh